

Số: /2018/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2018

Dự thảo 10/5/2018

**NGHỊ ĐỊNH**  
**Quy định về quản lý cát, sỏi lòng sông**

*Căn cứ Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010;*  
*Căn cứ Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24 tháng 11 năm 2017;*  
*Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005;*  
*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23 tháng 6 năm 2014;*  
*Căn cứ Luật tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21 tháng 6 năm 2012;*  
*Căn cứ Luật Đất đai số 79/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006;*  
*Căn cứ Luật Phòng chống thiên tai số 33/2013/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2013;*  
*Căn cứ Luật Hàng hải số 95/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015;*  
*Căn cứ Luật thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017;*  
*Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014;*  
*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;*  
*Chính phủ ban hành Nghị định quy định về quản lý cát, sỏi lòng sông.*

**Chương I**  
**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị định này quy định về quản lý, quy hoạch, thăm dò, khai thác, tập kết, vận chuyển, tiêu thụ cát, sỏi lòng sông; bảo vệ lòng, bờ, bãi sông.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Cơ quan quản lý nhà nước về khoáng sản, quản lý nhà nước về tài nguyên nước; các cơ quan khác có liên quan đến công tác quản lý cát, sỏi lòng sông, tập kết, vận chuyển, tiêu thụ cát, sỏi lòng sông; bảo vệ lòng, bờ, bãi sông.

2. Tổ chức, cá nhân hoạt động thăm dò, khai thác cát, sỏi lòng sông; khai thác khoáng sản khác trên sông.

3. Tổ chức, cá nhân thực hiện một trong các hoạt động sau đây:

a) Nạo vét duy tu, cải tạo, nâng cấp luồng, lạch, tuyến giao thông thủy; tuyến, luồng hàng hải;

b) Kè bờ, chỉnh trị sông; cải tạo cảnh quan, phát triển các vùng đất ven sông (trừ các công trình phòng, chống thiên tai, công trình đê điều);

c) Xây dựng công trình thủy trên sông (cầu, cảng sông, bến tàu, phà tiếp nhận tàu và các công trình thủy khác) theo quy định của pháp luật liên quan.

### **Điều 3. Giải thích từ ngữ**

Các từ ngữ sử dụng trong Nghị định này được hiểu như sau:

1. Cát, sỏi lòng sông là khoáng sản, gồm: cát, cuội, sỏi tích tụ ở các con suối, ở lòng sông, bãi bồi, các thềm sông từ thượng lưu cho đến cửa sông, cửa biển và lòng hồ.

2. Quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên cát, sỏi lòng sông theo lưu vực sông (dưới đây gọi chung là quy hoạch sử dụng tài nguyên cát, sỏi theo lưu vực sông) là hợp phần quy hoạch của Quy hoạch vùng theo quy định của pháp luật về quy hoạch do Thủ tướng Chính phủ xác định trong quá trình xây dựng nhiệm vụ lập Quy hoạch vùng.

3. Cát, sỏi có nguồn gốc hợp pháp là cát, sỏi được khai thác theo giấy phép do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (dưới đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) cấp phép hoặc đăng ký khối lượng cát, sỏi thu hồi từ các dự án nạo vét, khơi thông luồng lạch; hoặc cát, sỏi khai thác theo quy định tại khoản 2 Điều 64 Luật khoáng sản.

4. Tổ chức, cá nhân kinh doanh cát, sỏi là tổ chức, cá nhân có giấy phép khai thác cát, sỏi hoặc được đăng ký khối lượng cát, sỏi từ các dự án nạo vét, khơi thông luồng lạch theo quy định của pháp luật về khoáng sản, pháp luật liên quan hoặc tổ chức, cá nhân có hợp đồng mua bán cát, sỏi có nguồn gốc hợp pháp.

5. Mép bờ của sông là ranh giới giữa mái dốc địa hình tự nhiên của bờ với mặt đất tự nhiên theo chiều ngang, nếu sông đã được kè bờ thì mép bờ là đỉnh của bờ kè.

6. Bờ sông là dải đất ven sông được tính từ mép bờ (mép sông) vào phía trong đất liền mà không bị ảnh hưởng bởi mực nước sông.

7. Lòng sông là khoảng không gian giới hạn giữa hai bờ sông.

8. Bãi sông là vùng đất nổi nằm trong lòng sông, gồm cả bãi bồi giữa sông và không bị ngập nước thường xuyên.

### **Điều 4. Chính sách của Nhà nước trong quản lý cát, sỏi lòng sông**

Ngoài các chính sách của Nhà nước về khoáng sản quy định tại Điều 3 Luật khoáng sản, trong quản lý cát, sỏi lòng sông, Nhà nước còn áp dụng các chính sách sau đây:

1. Tài nguyên cát, sỏi lòng sông được quản lý theo quy định của Luật khoáng sản và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật, gắn với trách nhiệm bảo vệ lòng, bờ, bãi sông theo quy định của Luật tài nguyên nước, pháp luật liên quan và các quy định tại Nghị định này.

2. Nhà nước quy hoạch tổng thể tài nguyên cát, sỏi theo lưu vực sông, đồng thời gắn với trách nhiệm quản lý theo địa giới hành chính của các cấp chính quyền địa phương, trách nhiệm quản lý nhà nước của các Bộ, ngành liên quan.

3. Tài nguyên cát, sỏi lòng sông được quản lý thống nhất, gắn với trách nhiệm Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, các Bộ, ngành liên quan từ khi lập quy hoạch;

cấp phép thăm dò, khai thác, cho đến hoạt động tập kết, mua bán, vận chuyển và tiêu thụ cát, sỏi lòng sông.

## **Chương II** **QUẢN LÝ CÁT, SỎI LÒNG SÔNG**

### **Mục 1**

#### **QUY HOẠCH SỬ DỤNG TÀI NGUYÊN CÁT, SỎI THEO LƯU VỰC SÔNG**

##### **Điều 5. Nguyên tắc, căn cứ lập quy hoạch**

1. Việc lập quy hoạch sử dụng tài nguyên cát, sỏi theo lưu vực sông được thực hiện theo các nguyên tắc sau đây:

a) Bảo đảm mối quan hệ với Quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch ngành có liên quan được quy định tại Điều 6 Luật quy hoạch.

b) Phù hợp với chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, chiến lược khoáng sản của cả nước và khu vực liên quan;

c) Đảm bảo sự ổn định, cân bằng tự nhiên của lưu vực sông; phù hợp với trữ lượng, tài nguyên cát, sỏi lòng sông trong lưu vực sông, phù hợp với quy hoạch giao thông đường thủy nội địa, bảo đảm khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả cát, sỏi lòng sông phục vụ nhu cầu hiện tại của từng địa phương trong lưu vực sông và nhu cầu sử dụng cát, sỏi của các ngành kinh tế;

d) Bảo vệ môi trường, cảnh quan thiên nhiên, di tích lịch sử - văn hoá và các tài nguyên thiên nhiên khác.

đ) Các khu vực quy hoạch thăm dò, khai thác cát, sỏi lòng sông không thuộc khu vực cấm hoạt động khoáng sản, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản quy định tại Điều 14 Nghị định này.

2. Việc lập quy hoạch sử dụng tài nguyên cát, sỏi theo lưu vực sông được thực hiện trên các căn cứ sau đây:

a) Chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh; chiến lược khoáng sản, quy hoạch ngành quốc gia có sử dụng cát, sỏi lòng sông;

b) Kết quả công tác điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản đối với tài nguyên cát, sỏi lòng sông; đối với loại khoáng sản có thể sử dụng để sản xuất cát, sỏi nhân tạo;

c) Nhu cầu cát, sỏi lòng sông của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thuộc lưu vực sông;

d) Tiến bộ khoa học và công nghệ trong sản xuất vật liệu thay thế cát, sỏi lòng sông; sản xuất cát, sỏi nhân tạo;

đ) Kết quả thực hiện quy hoạch kỳ trước; kết quả đánh giá môi trường chiến lược theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

##### **Điều 6. Nội dung quy hoạch**

Quy hoạch sử dụng tài nguyên cát, sỏi theo lưu vực sông có các nội dung chính sau đây:

1. Phân tích, đánh giá thực trạng các yếu tố, điều kiện tự nhiên, kinh tế - nhân văn của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thuộc lưu vực sông; đánh giá tiềm năng tài nguyên cát, sỏi lòng sông của toàn bộ lưu vực sông.

2. Các quan điểm, mục tiêu phát triển trong quy hoạch vùng liên quan đến vật liệu xây dựng, sử dụng nguyên liệu cát, sỏi cho sản xuất vật liệu xây dựng.

3. Định hướng phát triển kết cấu hạ tầng của các địa phương liên quan; bảo vệ môi trường, khai thác, bảo vệ tài nguyên nước; phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu trên lưu vực sông.

4. Định hướng chung đối với hoạt động thăm dò, khai thác cát, sỏi lòng sông (khoanh vùng các diện tích định hướng hoạt động thăm dò, khai thác cát, sỏi lòng sông trong kỳ quy hoạch); định hướng về khả năng sử dụng khoáng sản thuộc các tỉnh trong lưu vực sông sử dụng để sản xuất cát, sỏi nhân tạo.

5. Định hướng phân kỳ theo tiềm năng và nhu cầu sử dụng cát, sỏi.

6. Giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch.

### **Điều 7. Thẩm quyền lập và trình phê duyệt quy hoạch**

1. Căn cứ vào danh mục sông liên tỉnh được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, theo quy mô tài nguyên cát, sỏi lòng sông thuộc lưu vực sông và diễn biến và mức độ dự kiến tác động đến lòng, bờ, bãi sông, Bộ Tài nguyên và Môi trường trình Thủ tướng Chính phủ quyết định việc lập quy hoạch sử dụng tài nguyên cát, sỏi theo lưu vực sông khi xác định trong quá trình xây dựng nhiệm vụ lập Quy hoạch vùng để tích hợp trong nội dung Quy hoạch vùng liên quan.

2. Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Bộ: Xây dựng, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương, Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân các, thành phố trực thuộc Trung ương có liên quan lập quy hoạch sử dụng tài nguyên cát, sỏi theo lưu vực sông.

3. Việc tích hợp quy hoạch sử dụng tài nguyên cát, sỏi theo lưu vực sông vào quy hoạch vùng được thực hiện theo quy trình tích hợp về quy hoạch.

## **Mục 2**

### **THĂM DÒ, KHAI THÁC CÁT, SỎI LÒNG SÔNG**

#### **Điều 8. Phương án quản lý, thăm dò, khai thác, sử dụng cát, sỏi lòng sông thuộc quy hoạch tỉnh**

1. Căn cứ quy hoạch sử dụng tài nguyên cát, sỏi theo lưu vực sông trong Quy hoạch vùng có liên quan, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thuộc lưu vực sông đó xây dựng phương án quản lý, thăm dò, khai thác, sử dụng cát, sỏi lòng sông trên địa bàn để tích hợp vào nội dung quy hoạch tỉnh khi trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

2. Phương án quản lý, thăm dò, khai thác, sử dụng cát, sỏi lòng sông trong quy hoạch tỉnh là căn cứ để Ủy ban nhân dân cấp tỉnh liên quan xem xét, cấp phép thăm dò, khai thác cát, sỏi lòng sông và phải bảo đảm các nguyên tắc quy định tại khoản 1 Điều 40 và khoản 1 Điều 53 và quy định có liên quan của Luật khoáng sản.

#### **Điều 9. Điều kiện cấp phép thăm dò, khai thác cát, sỏi lòng sông**

1. Việc cấp phép thăm dò, khai thác cát, sỏi lòng sông phải tuân thủ các điều kiện sau đây:

a) Đáp ứng yêu cầu về điều kiện cấp phép thăm dò khoáng sản quy định tại khoản 2 Điều 40 và điều kiện cấp phép khai thác khoáng sản quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật khoáng sản;

b) Có ý kiến chấp thuận bằng văn bản của cơ quan quản lý nhà nước về đường thủy nội địa, an toàn giao thông thủy, an toàn các công trình phòng chống thiên tai liên quan đến khu vực đề nghị cấp phép thăm dò, khai thác; ý kiến của cơ quan quản lý nhà nước về tài nguyên nước liên quan đến bảo vệ lòng, bờ, bãi sông theo quy định của Luật tài nguyên nước.

2. Trường hợp khu vực đề nghị cấp phép thăm dò, khai thác cát, sỏi lòng sông giáp với địa giới hành chính của hai hay nhiều tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép phải lấy ý kiến bằng văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố còn lại.

### **Điều 10. Nội dung Giấy phép khai thác cát, sỏi lòng sông**

Ngoài các quy định tại khoản 1 Điều 54 Luật khoáng sản, nội dung Giấy phép khai thác cát, sỏi lòng sông còn thể hiện một số nội dung sau đây:

1. Thời gian được phép hoạt động khai thác: chỉ được khai thác ban ngày (từ 06 giờ đến 18 giờ); không được khai thác vào ban đêm (kể từ sau 18 giờ hôm trước đến trước 06 giờ hôm sau).

2. Trách nhiệm trong việc thả phao xác định ranh giới khu vực khai thác, bảo đảm an toàn giao thông thủy và việc cấm mốc gừi trên bờ (nếu có).

3. Trách nhiệm đối với phương tiện được sử dụng cho hoạt động khai thác, cát, sỏi lòng sông như: đăng ký số lượng, đăng kiểm, mã hiệu từng phương tiện với cơ quan nhà nước có thẩm quyền trước khi khai thác.

4. Trách nhiệm trong việc ký hợp đồng vận chuyển với các chủ phương tiện đủ điều kiện vận chuyển cát sỏi lòng sông.

5. Trách nhiệm trong việc lắp đặt camera giám sát, thiết bị giám sát hành trình và việc lưu trữ dữ liệu, thông tin về vị trí, hành trình di chuyển của phương tiện khai thác.

6. Vai trò giám sát của cộng đồng trong quá trình khai thác khoáng sản.

## **Mục 3**

### **QUY ĐỊNH VỀ TẬP KẾT, MUA BÁN, VẬN CHUYỂN CÁT, SỎI LÒNG SÔNG**

#### **Điều 11. Lập bến bãi tập kết cát, sỏi lòng sông**

1. Cát, sỏi lòng sông sau khai thác phải được lưu trữ tại các bến bãi tập kết cát, sỏi lòng sông (dưới đây gọi chung là bến bãi) gồm:

a) Khu vực bãi chứa cát, sỏi nằm trong phạm vi cảng đường thủy nội địa theo quy định của Luật giao thông đường thủy nội địa;

b) Bến bãi tập kết vật liệu được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt quy hoạch.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải, Xây dựng và Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi dự kiến lập bến bãi để lập và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê

duyet quy hoạch sử dụng đất kèm theo quy hoạch hệ thống bến bãi theo quy định tại điểm b Khoản 1 Điều này.

3. Trình tự, thủ tục lập hồ sơ trình cấp phép bến bãi thực hiện theo quy định của pháp luật về Đê điều, Thủy lợi, giao thông đường thủy nội địa và pháp luật khác có liên quan.

4. Trường hợp không lập bến bãi, tổ chức, cá nhân khai thác cát sỏi phải có hợp đồng vận chuyển với tổ chức, cá nhân đáp ứng quy định tại Điều 12 Nghị định này.

### **Điều 12. Vận chuyển cát, sỏi trên sông**

1. Tổ chức, cá nhân được phép khai thác cát, sỏi lòng sông; tổ chức, cá nhân mua, bán hoặc có hợp đồng vận chuyển cát, sỏi lòng sông với tổ chức, cá nhân khai thác cát, sỏi được phép vận chuyển cát, sỏi trên sông khi đáp ứng đủ các yêu cầu sau đây:

a) Có phương tiện thủy đủ điều kiện hoạt động theo quy định của pháp luật.

b) Phương tiện vận chuyển cát, sỏi lòng sông phải được lắp đặt thiết bị giám sát hành trình theo quy định của pháp luật về giao thông vận tải.

c) Đăng ký vị trí các bến bãi được cơ quan có thẩm quyền cấp phép theo quy định tại khoản 1, Điều 11 Nghị định này để tập kết cát, sỏi.

2. Trường hợp tổ chức, cá nhân mua bán cát, sỏi lòng sông hoặc nhận vận chuyển cát, sỏi cho tổ chức, cá nhân được phép khai thác phải kèm theo hợp đồng vận chuyển hoặc hóa đơn, chứng từ hợp pháp.

### **Điều 13. Mua bán, tiêu thụ cát, sỏi**

1. Mọi hoạt động mua bán cát, sỏi lòng sông phải được có nguồn gốc hợp pháp quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

2. Khi bán cát, sỏi lòng sông, tổ chức, cá nhân kinh doanh cát, sỏi phải xuất hóa đơn, chứng từ theo quy định cho tổ chức, cá nhân mua cát, sỏi. Mọi giao dịch mua bán cát, sỏi mà không có hóa đơn, chứng từ đều là không hợp pháp và bị xử lý theo quy định của pháp luật về thương mại.

3. Mọi hoạt động sử dụng cát, sỏi lòng sông không có nguồn gốc hợp pháp đều được coi là cát, sỏi khai thác trái phép và bị xử lý theo quy định của pháp luật về khoáng sản, pháp luật khác có liên quan.

## **Chương III**

### **BẢO VỆ LÒNG, BỜ, BÃI SÔNG**

#### **Điều 14. Khu vực cấm, khu vực tạm thời cấm khai thác cát, sỏi**

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh khoanh định khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản đối với khoáng sản là cát, sỏi lòng sông (bao gồm cả khoáng sản khác trên sông) theo quy định tại Điều 28 Luật khoáng sản phải căn cứ các quy định về bảo vệ lòng, bờ, bãi sông, bảo vệ an toàn đê điều và các công trình khác có liên quan theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước, khoáng sản, giao thông thủy lợi, đê điều và phòng chống thiên tai.

2. Đối với yêu cầu về phòng, chống sạt, lở, bảo vệ lòng, bờ, bãi sông, khi khoanh định khu vực cấm hoạt động khoáng sản đối với cát, sỏi lòng sông phải

bảo đảm nguyên tắc quy định tại khoản 1 Điều này, việc khoan định phải căn cứ vào đặc điểm địa hình, địa chất, hình thái của dòng sông, chế độ dòng chảy, diễn biến lòng, bờ, bãi sông và các tiêu chí sau:

a) Khu vực đang bị sạt, lở làm ảnh hưởng trực tiếp đến sự ổn định, an toàn của bờ sông; làm suy giảm chức năng của hành lang bảo vệ nguồn nước hoặc gây ảnh hưởng nghiêm trọng, uy hiếp đến sự ổn định, an toàn của sông;

b) Khu vực đang bị sạt, lở làm ảnh hưởng trực tiếp đến sự ổn định, an toàn của công trình đê điều, thủy lợi, giao thông, cấp thoát nước, quan trắc và các công trình hạ tầng kỹ thuật khác;

c) Khu vực đang bị sạt, lở làm ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống, sản xuất của tổ chức, cá nhân; sự ổn định, an toàn của khu đô thị, khu dân cư và các công trình dân sinh;

d) Các khu vực đang bị sạt lở khác do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, công bố hoặc thông báo.

3. Căn cứ vào các tiêu chí quy định tại khoản 2 Điều này, khu vực tạm thời cấm hoạt động khai thác cát, sỏi lòng sông được khoan định khi có yêu cầu khắc phục hậu quả do các khu vực đã bị sạt, lở gây ra hoặc là các khu vực có nguy cơ bị sạt lở hoặc có nguy cơ làm ảnh hưởng tới đời sống, sản xuất của người dân, phòng, chống, khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra và các yêu cầu khác do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền quyết định.

### **Điều 15. Yêu cầu chung về bảo vệ lòng, bờ, bãi sông**

Các hoạt động quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 2 Nghị định này phải được cơ quan quản lý nhà nước về tài nguyên nước chấp thuận bằng văn bản và đáp ứng các yêu cầu sau đây:

1. Không làm giảm khả năng thoát lũ dẫn đến gây ngập úng bãi, vùng đất ven sông, sạt lở bờ, bãi sông và ảnh hưởng đến chức năng của hành lang bảo vệ nguồn nước.

2. Không gây bồi lắng, xói lòng sông làm đổi hướng dòng chảy chủ lưu, gây mất ổn định bờ, bãi sông và ảnh hưởng đến chức năng nguồn nước.

3. Thực hiện các biện pháp phòng, chống ô nhiễm nguồn nước, bảo vệ môi trường, cảnh quan, hệ sinh thái ven sông.

4. Phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch tài nguyên nước và các quy hoạch khác có liên quan.

### **Điều 16. Yêu cầu khi khai thác cát, sỏi trên sông**

Khai thác cát, sỏi trên sông phải tuân thủ các yêu cầu chung về bảo vệ lòng, bờ, bãi sông quy định tại Điều 15 Nghị định này và các yêu cầu sau đây:

1. Đối với trường hợp khai thác cát, sỏi thuộc lòng sông:

a) Cao độ đáy của tuyến khai thác không được vượt quá cao độ trung bình của đáy sông hiện tại trên tuyến khai thác;

b) Ranh giới khu vực khai thác phải cách mép bờ ít nhất 10% chiều rộng của lòng sông, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Đối với trường hợp khai thác cát, sỏi thuộc bãi sông:

a) Đáp ứng các yêu cầu về khơi thông dòng chảy; tăng khả năng thoát lũ, bảo đảm chức năng của nguồn nước;

b) Cao độ đáy tuyến khai thác không được vượt quá cao độ ứng với mực nước trung bình mùa cạn;

c) Đối với bãi nổi bán ngập, bãi hình thành theo mùa, bãi mới hình thành phải có ý kiến bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về tài nguyên nước trước khi cấp phép khai thác.

3. Trường hợp đang khai thác cát, sỏi trên sông có hiện tượng sạt, lở tại khu vực khai thác phải tạm dừng khai thác, đồng thời báo cáo ngay cho chính quyền địa phương nơi gần nhất và Sở Tài nguyên và Môi trường để kiểm tra, xác định nguyên nhân, mức độ tác động tới lòng, bờ bãi sông, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định. Trường hợp không đủ điều kiện tiếp tục khai thác, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh khoanh định và bổ sung vào khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản quy định tại Điều 14 Nghị định này, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.

#### **Điều 17. Yêu cầu khi khai thác cát, sỏi trong lòng hồ**

Hoạt động khai thác cát, sỏi, khoáng sản khác tại khu vực lòng hồ chứa thủy điện, thủy lợi phải đáp ứng các yêu cầu chung quy định tại Điều 15 của Nghị định này và các yêu cầu sau đây:

1. Tuân thủ quy định về hành lang bảo vệ hồ chứa, bảo vệ công trình, bảo đảm an toàn hồ chứa, an toàn tuyệt đối cho đập và các hạng mục công trình gắn liền với hồ chứa.

2. Chỉ khai thác phần trữ lượng do bồi lắng và phải gắn với yêu cầu nạo vét, phòng, chống bồi lắng lòng hồ.

3. Không ảnh hưởng đến chức năng, nhiệm vụ của hồ chứa đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Không ảnh hưởng đến các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước của hồ chứa.

#### **Điều 18. Yêu cầu đối với hoạt động nạo vét duy tu, cải tạo nâng cấp luồng lạch, tuyến giao thông thủy**

1. Hoạt động nạo vét, duy tu, cải tạo nâng cấp luồng lạch, tuyến giao thông thủy nội địa (dưới đây gọi chung là hoạt động nạo vét, khơi thông luồng lạch) phải đáp ứng các yêu cầu chung quy định tại Điều 15 của Nghị định này, các quy định của pháp luật liên quan và các yêu cầu sau đây:

a) Phạm vi nạo vét luồng lạch phải phù hợp với yêu cầu về chiều rộng, chiều sâu để bảo đảm cấp kỹ thuật của luồng chạy tàu thuyền hiện có đối với nạo vét duy tu; phải phù hợp với cấp của luồng chạy tàu thuyền theo quy hoạch đã được phê duyệt đối với nạo vét cải tạo, nâng cấp luồng lạch;

b) Trường hợp phạm vi cần nạo vét nằm sát phía bờ bị sạt, lở hoặc có nguy cơ sạt, lở thì phải xem xét, điều chỉnh luồng chạy tàu thuyền phù hợp.

2. Trường hợp hoạt động nạo vét, khơi thông luồng lạch có kết hợp thu hồi sản phẩm là cát, sỏi lòng sông, ngoài việc đáp ứng các yêu cầu tại Khoản 1, Khoản 3 Điều này còn phải đăng ký phương pháp, khối lượng, thời gian nạo vét



tại Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và thực hiện các nghĩa vụ nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, phí bảo vệ môi trường, thuế tài nguyên và các nghĩa vụ khác theo quy định có liên quan của pháp luật về khoáng sản.

3. Trường hợp đang thực hiện hoạt động nạo vét, khơi thông luồng lạch mà có hiện tượng sạt, lở tại khu vực hoạt động, đơn vị thi công phải tạm dừng nạo vét, đồng thời báo cáo ngay cho chính quyền địa phương nơi gần nhất và cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành để kiểm tra, xác định nguyên nhân, mức độ tác động, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, đồng thời báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt dự án để có biện pháp khắc phục và quyết định điều chỉnh tuyến nạo vét phù hợp.

### **Điều 19. Yêu cầu cụ thể đối với hoạt động kè bờ, chỉnh trị sông, cải tạo cảnh quan, phát triển các vùng đất ven sông**

Hoạt động kè bờ, chỉnh trị sông, cải tạo cảnh quan, phát triển các vùng đất ven sông phải đáp ứng các yêu cầu chung quy định tại Điều 15 của Nghị định này và các yêu cầu cụ thể sau đây:

1. Có biện pháp hạn chế xói, lở bờ đôi diện, tác động xấu đến các công trình ven sông ở hạ lưu.

2. Trường hợp phải thu hẹp dòng chảy, phải bảo đảm không làm giảm quá 10% chiều rộng lòng sông giữa hai mép bờ, bảo đảm vận tốc dòng chảy nhỏ hơn vận tốc gây xói, lớn hơn vận tốc gây bồi.

### **Điều 20. Yêu cầu đối với hoạt động xây dựng các công trình thủy**

Việc xây dựng các công trình thủy phải đáp ứng các yêu cầu chung quy định tại Điều 15 của Nghị định này và các yêu cầu sau đây:

1. Bảo đảm không làm cản trở hoạt động của các phương tiện giao thông thủy trên sông, không làm giảm khả năng thoát lũ.

2. Phải đánh giá tác động xấu đến xói lở bờ sông, bảo đảm sự ổn định của bờ sông trong phạm vi 05 km về phía thượng lưu và 05 km về phía hạ lưu.

### **Điều 21. Phương án bảo vệ lòng, bờ, bãi sông**

1. Tổ chức, cá nhân có dự án đầu tư thuộc các hoạt động quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 2 Nghị định này phải lập Phương án bảo vệ lòng, bờ, bãi sông (dưới đây gọi chung là Phương án) đồng thời với quá trình lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc Kế hoạch bảo vệ môi trường. Nội dung chính của Phương án gồm: đánh giá tác động đến dòng chảy, ảnh hưởng đến lòng, bờ, bãi sông, hồ và các biện pháp giảm thiểu; phương án phòng, chống, khắc phục sự cố sạt lở bờ, bãi sông, sụt lún lòng sông đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ lòng, bờ, bãi sông quy định tại Nghị định này; dự kiến kinh phí thực hiện.

2. Phương án bảo vệ lòng, bờ, bãi sông là một nội dung độc lập được thẩm định, chấp thuận đồng thời với quá trình thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc Kế hoạch bảo vệ môi trường đối với dự án có cùng cấp thẩm quyền thẩm định, phê duyệt Phương án quy định tại khoản 4 Điều 23 và điểm i khoản 1 Điều 29 Nghị định này.

Đối với dự án không cùng cấp thẩm quyền thẩm định, phê duyệt với Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc Kế hoạch bảo vệ môi trường, việc thẩm

định, chấp thuận được thực hiện độc lập theo quy định của pháp luật bảo vệ môi trường và pháp luật tài nguyên nước.

**Điều 22. Trình tự, thủ tục chấp thuận Phương án bảo vệ lòng, bờ, bãi sông**

1. Trình tự, thủ tục nộp hồ sơ chấp thuận Phương án thực hiện đồng thời khi thực hiện Thủ tục trình thẩm định, phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc thẩm định, xác nhận Kế hoạch bảo vệ môi trường (nếu tổ chức cá nhân có nhu cầu nộp đồng thời).

Quy trình chuyển nội dung Phương án đến cơ quan thẩm định thực hiện theo quy trình tiếp nhận, thẩm định hồ sơ phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc thẩm định, xác nhận Kế hoạch bảo vệ môi trường và theo quy định của pháp luật liên quan.

2. Nội dung chấp thuận Phương án quy định tại khoản 4 Điều 21 Nghị định này thể hiện trong Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc văn bản xác nhận Kế hoạch bảo vệ môi trường, trong đó cần quy định rõ các biện pháp cụ thể để bảo vệ lòng, bờ, bãi sông; trách nhiệm chủ yếu của chủ đầu tư cũng như trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan.

**Chương IV**

**TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BỘ, NGÀNH LIÊN QUAN  
VÀ ỦY BAN NHÂN DÂN CÁC CẤP**

**Điều 23. Trách nhiệm của Bộ Tài nguyên và Môi trường**

1. Chủ trì lập, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên cát, sỏi trên phạm vi toàn quốc.

2. Chủ trì, phối hợp với các Bộ: Xây dựng, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan lập quy hoạch sử dụng tài nguyên cát, sỏi theo lưu vực sông theo trình tự quy định tại Điều 7 định này.

3. Tiếp nhận hồ sơ khoanh định khu vực cấm hoạt động khoáng sản, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản (bao gồm cả hoạt động thăm dò, khai thác cát, sỏi lòng sông và khoáng sản khác trên sông, hồ) do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập để trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo quy định.

4. Chấp thuận Phương án đối với các dự án:

a) Khai thác cát, sỏi và các khoáng sản khác trên sông, hồ mà khu vực khai thác trên dòng sông, đoạn sông liên tỉnh là ranh giới giữa 02 tỉnh trở lên; nằm trên đoạn sông có khoảng cách nhỏ hơn 10 km về phía thượng và hạ lưu tính từ địa phận giữa 02 tỉnh;

b) Mở mới và nạo vét duy tu, cải tạo, nâng cấp luồng, lạch, tuyến giao thông thủy đối với đường thủy nội địa quốc gia hoặc hoạt động nằm trên dòng sông, đoạn sông liên tỉnh là ranh giới giữa 02 tỉnh trở lên; hoạt động nạo vét do Bộ Giao thông vận tải phê duyệt danh mục hoặc quyết định đầu tư; hoạt động nằm trên đoạn sông có khoảng cách nhỏ hơn 10 km về phía thượng và hạ lưu tính từ địa phận giữa 02 tỉnh;

c) Kè bờ, chỉnh trị sông, cải tạo cảnh quan, phát triển các vùng đất ven sông nằm trên dòng sông, đoạn sông liên tỉnh là ranh giới giữa 02 tỉnh trở lên hoặc các dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Thủ tướng Chính phủ và các Bộ, ngành liên quan; hoạt động nằm trên đoạn sông có khoảng cách nhỏ hơn 10 km về phía thượng và hạ lưu tính từ địa phận giữa 02 tỉnh;

d) Xây dựng các công trình thủy nằm trên dòng sông, đoạn sông liên tỉnh là ranh giới giữa 02 tỉnh trở lên;

5. Kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm pháp luật về khoáng sản, pháp luật về bảo vệ lòng, bờ, bãi sông, hồ theo thẩm quyền.

6. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Thủ tướng Chính phủ giao.

#### **Điều 24. Trách nhiệm của Bộ Xây dựng**

1. Phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường trong việc lập Quy hoạch sử dụng tài nguyên cát, sỏi theo lưu vực sông.

2. Theo dõi, hướng dẫn, tổng hợp tình hình đầu tư khai thác, sử dụng cát, sỏi lòng sông; cân đối cung cầu sử dụng tài nguyên cát sỏi trên địa bàn cả nước; lập và trình Thủ tướng Chính phủ các loại quy hoạch liên quan đến vật liệu xây dựng, trong đó có cát, sỏi lòng sông.

3. Ban hành, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy chuẩn kỹ thuật, quy định về an toàn, vệ sinh lao động trong hoạt động khai thác cát sỏi; quy chuẩn kỹ thuật trong sản xuất, sử dụng vật liệu thay thế cát, sỏi lòng sông.

#### **Điều 25. Trách nhiệm của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

1. Phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường trong việc lập Quy hoạch sử dụng tài nguyên cát, sỏi theo lưu vực sông.

2. Phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường, các Bộ, ngành, địa phương liên quan trong việc xác định phạm vi, quy mô, ranh giới các khu vực thuộc phạm vi bảo vệ an toàn các công trình thủy lợi, chỉnh trị dòng sông thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ trong khu vực cấm quy định tại Điều 14 Nghị định này.

#### **Điều 26. Trách nhiệm của Bộ Giao thông vận tải**

1. Phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường trong việc lập Quy hoạch sử dụng tài nguyên cát, sỏi theo lưu vực sông.

2. Phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường, các Bộ, ngành, địa phương liên quan trong việc xác định phạm vi, quy mô, ranh giới các khu vực thuộc phạm vi bảo vệ an toàn luồng, lạch, các công trình thủy trên sông thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ trong khu vực cấm quy định tại Điều 14 Nghị định này; cho ý kiến chấp thuận bằng văn bản đối với các dự án khai thác cát sỏi quy định tại Điều 16 của Nghị định này.

3. Định kỳ hàng năm thông báo kế hoạch, thời gian thực hiện các dự án nạo vét, khơi luồng hàng hải, luồng đường thủy nội địa quốc gia thuộc thẩm quyền để Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh liên quan phối hợp quản lý, kiểm tra, xử lý theo thẩm quyền.

#### **Điều 27. Trách nhiệm của Bộ Công an**

1. Đảm bảo an ninh trật tự trên các tuyến sông.

2. Kiểm tra, xử lý hoạt động khai thác, vận chuyển, tập kết và kinh doanh cát, sỏi trái phép thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ, đặc biệt là công tác phòng ngừa, ngăn chặn và xử lý tội phạm trong khai thác cát, sỏi lòng sông.

3. Chỉ đạo công an các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các đơn vị nghiệp vụ thực hiện tuần tra, kiểm tra, xử lý vi phạm theo quy định.

4. Hướng dẫn, kiểm tra việc đăng ký phương tiện tham gia khai thác/vận chuyển cát sỏi theo quy định.

### **Điều 28. Trách nhiệm của Bộ Công Thương**

Chỉ đạo lực lượng quản lý thị trường tham gia kiểm tra, kiểm soát hoạt động tàng trữ, mua bán, vận chuyển khoáng sản cát sỏi lòng sông, xử lý các tổ chức, cá nhân vi phạm theo quy định của pháp luật.

### **Điều 29. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp trong việc quản lý cát sỏi lòng sông**

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:

a) Phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường trong việc lập Quy hoạch sử dụng tài nguyên cát, sỏi theo lưu vực sông.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm toàn diện trước Thủ tướng Chính phủ về công tác quản lý tài nguyên cát, sỏi lòng sông thuộc địa bàn hành chính quản lý;

c) Chủ động phối hợp với các Bộ, ngành trong quản lý nhà nước đối với những lĩnh vực thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của các Bộ ngành;

d) Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh các tỉnh giáp ranh xây dựng, ban hành Quy chế phối hợp trong công tác quản lý cát sỏi, lòng sông;

đ) Xây dựng phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn, trong đó cát cát, sỏi lòng sông. Quy định trách nhiệm người đứng đầu chính quyền cấp huyện, cấp xã trong việc bảo vệ khoáng sản chưa khai thác;

e) Chỉ đạo việc thực hiện các biện pháp bảo vệ lòng, bờ, bãi sông, hồ trên địa bàn tỉnh; chấp thuận đối với các dự án trong phạm vi lòng, bờ, bãi sông, hồ theo quy định tại khoản 1 Điều 22 Nghị định này;

g) Trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt kết quả khoanh định khu vực cấm, tạm thời cấm khai thác cát, sỏi và các khoáng sản khác trên sông, hồ;

h) Chỉ đạo, tổ chức thực hiện cấm biển báo các khu vực đã được khoanh định cấm, tạm thời cấm khai thác cát, sỏi và các khoáng sản khác trên sông;

i) Chấp thuận các Phương án của các dự án còn lại không thuộc quy định tại khoản 4 Điều 23 Nghị định này.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện: Thực hiện các quy định về bảo vệ khoáng sản chưa khai thác theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Luật khoáng sản.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã: Thực hiện các quy định về bảo vệ khoáng sản chưa khai thác theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Luật khoáng sản.

**Điều 30. Nội dung quy chế phối hợp trong công tác quản lý cát sỏi, lòng sông giữa các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có chung ranh giới hành chính là các dòng sông**

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có chung dòng sông là ranh giới hành chính cấp tỉnh xây dựng Quy chế phối hợp trong bảo vệ, quản lý cát, sỏi lòng sông ở khu vực giáp ranh (dưới đây gọi chung là Quy chế phối hợp) trên nguyên tắc tuân thủ các quy định của pháp luật về khoáng sản, pháp luật khác liên quan; phù hợp với quy hoạch sử dụng tài nguyên cát, sỏi theo lưu vực sông và bảo đảm sự thống nhất trong cấp phép thăm dò, khai thác cát, sỏi lòng sông, nâng cao vai trò, trách nhiệm, nghĩa vụ của mỗi địa phương trong quản lý tài nguyên khoáng sản ở khu vực giáp ranh.

2. Căn cứ chiều dài sông trên địa bàn địa phương quy định tại Danh mục sông liên tỉnh do Thủ tướng Chính phủ quyết định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có chiều dài sông đi qua lớn nhất chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có liên quan để xây dựng và cùng ban hành Quy chế phối hợp.

3. Quy chế phối hợp có nội dung chính sau đây:

a) Phối hợp trong trao đổi thông tin (thông tin quy hoạch, quản lý cấp phép): trao đổi thông tin về tình hình hoạt động khoáng sản tại khu vực giáp ranh hai tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã thuộc khu vực giáp ranh, cơ quan chức năng các tỉnh thông tin hai chiều cùng cấp về hoạt động khoáng sản trên địa bàn khu vực giáp ranh và báo cáo cơ quan quản lý cấp trên. Các thông tin trao đổi gồm: khu vực hoạt động khoáng sản, văn bản cấp phép hoạt động thăm dò, khai thác cát, sỏi; số lượng, biển hiệu tàu, thuyền tham gia khai thác, vận chuyển cát sỏi, điều kiện hạ tầng kỹ thuật (bến bãi tập kết vật liệu) ....

b) Phối hợp trong ngăn chặn, giải tỏa hoạt động khoáng sản trái pháp luật: nội dung phối hợp, chỉ đạo và xử lý các vi phạm pháp luật về khai thác cát, sỏi theo thẩm quyền. Ủy ban nhân dân các huyện thuộc khu vực giáp ranh phối hợp tổ chức ngăn chặn; đề nghị với Ủy ban nhân dân huyện giáp ranh để được phối hợp, tạo điều kiện về lực lượng, trang bị để tổ chức ngăn chặn, giải tỏa hoạt động khai thác khoáng sản trái phép; tổ chức ngăn chặn, giải tỏa hoạt động khai thác khoáng sản trái phép theo đề nghị của Ủy ban nhân dân huyện giáp ranh. Quy định trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các ngành chức năng, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc xử lý vi phạm theo thẩm quyền. Công an các tỉnh, thành phố liên quan có trách nhiệm: thống nhất kế hoạch, chương trình công tác với công an địa phương giáp ranh trong kiểm tra, điều tra các vụ việc vi phạm pháp luật về khoáng sản và pháp luật về bảo vệ môi trường; tham gia thực hiện công tác ngăn chặn, giải tỏa hoạt động khai thác cát, sỏi trái phép theo đề nghị của địa phương giáp ranh; phối hợp, hỗ trợ trong việc tổng đạt các quyết định và yêu cầu đối tượng thực hiện các quy định về xử phạt vi phạm hành chính theo quy định.

c) Phối hợp trong công tác xử lý vi phạm: Các đối tượng, tang vật các loại hoạt động khai thác cát, sỏi trái pháp luật được xem xét xử lý tại địa phương nơi xảy ra vi phạm, trường hợp vượt thẩm quyền xem xét ở cấp cơ sở, hoàn chỉnh hồ

sơ đề nghị cấp trên trực tiếp xem xét xử lý theo thẩm quyền; chính quyền địa phương, cơ quan chức năng cùng cấp ở mỗi tỉnh có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương và cơ quan chức năng của tỉnh giáp ranh trong công tác hoàn chỉnh hồ sơ liên quan đến công tác xử lý vi phạm, phối hợp trong việc thực hiện các nội dung quyết định xử lý vi phạm đã được ban hành.

d) Phối hợp trong công tác sơ kết, tổng kết: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố liên quan có trách nhiệm đồng chủ trì tổ chức sơ kết, tổng kết tình hình thực hiện Quy chế phối hợp quản lý cát, sỏi lòng sông ở địa bàn giáp ranh, đánh giá kết quả, nguyên nhân và giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước đối với tài nguyên cát, sỏi trên địa bàn.

**Điều 31. Xử lý trách nhiệm người đứng đầu chính quyền địa phương trong quản lý, thăm dò, khai thác, tập kết, mua bán, vận chuyển cát, sỏi lòng sông**

1. Tùy theo tính chất, mức độ liên quan đến trách nhiệm bảo vệ, quản lý thăm dò, khai thác, tàng trữ, mua bán, vận chuyển cát, sỏi lòng sông trên địa bàn, người đứng đầu các Bộ, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ và bị xử lý theo quy định của pháp luật và các hình thức như sau:

a) Kỷ luật theo hình thức khiển trách khi không tổ chức tuyên truyền phổ biến các quy định của pháp luật về khoáng sản và các văn bản liên quan đến cát, cuội sỏi lòng sông; không xây dựng phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác (bao gồm cát, sỏi lòng sông); không tổ chức việc lập, ký ban hành Quy chế phối hợp quản lý, bảo vệ cát sỏi lòng sông ở khu vực giáp ranh;

b) Kỷ luật theo hình thức cảnh cáo khi không phát hiện, ngăn chặn kịp thời, để xảy ra tình trạng khai thác, tập kết, vận chuyển trái phép cát, sỏi lòng sông, các loại khoáng sản khác thuộc địa bàn quản lý.

c) Kỷ luật theo hình thức cách chức khi không thực hiện trách nhiệm quy định tại điểm b khoản này gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo thẩm quyền ban hành quy định về xử lý trách nhiệm người đứng đầu Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã theo các hình thức kỷ luật cán bộ, công chức theo quy định của Chính phủ.

**Chương V**

**TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 32. Điều khoản chuyển tiếp**

1. Đối với các hoạt động liên quan đến lòng, bờ, bãi sông quy định tại Nghị định này mà đã được cơ quan nhà nước phê duyệt theo thẩm quyền và đang thực hiện thì không phải thực hiện việc lấy ý kiến chấp thuận bằng văn bản.

2. Đối với các hoạt động đã được cơ quan nhà nước phê duyệt theo thẩm quyền, đang triển khai thực hiện nhưng gây sạt lở bờ, bãi sông thì phải tạm dừng để xử lý theo quy định. Trường hợp phải điều chỉnh dự án, chủ dự án phải thực hiện việc đề nghị chấp thuận theo quy định tại Nghị định này.

3. Đối với các hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thăm dò, Giấy phép khai thác cát sỏi lòng sông có đủ điều kiện pháp lý được cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận trước ngày Nghị định này có hiệu lực theo quy định thì tiếp tục giải quyết trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ theo các quy định trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

4. Quy hoạch thăm dò, khai thác cát sỏi đã phê duyệt theo quy định trước ngày Nghị định này có hiệu lực được thực hiện đến khi Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch sử dụng tài nguyên cát, sỏi lòng sông theo lưu vực sông.

### **Điều 33. Hiệu lực thi hành**

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm

Bãi bỏ các quy định về quản lý cát, sỏi lòng sông; bảo vệ lòng, bờ, bãi sông trái với quy định tại Nghị định này.

### **Điều 34. Trách nhiệm tổ chức thực hiện**

1. Bộ Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan hướng dẫn thi hành Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

#### **Nơi nhận:**

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu

**TM. CHÍNH PHỦ  
THỦ TƯỚNG**

